

Số: /2021/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định khung mức thù lao
dịch thuật, phiên dịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 56/TTr-STP ngày 20/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khung mức thù lao dịch thuật, phiên dịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 về việc ban hành Quy định về cộng tác viên dịch thuật và khung mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 52/2016/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Quy định về cộng tác viên dịch thuật và khung mức thù lao dịch thuật trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 35/2013/QĐ-UBND ngày 13/11/2013 của UBND tỉnh Phú Yên.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 9 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra VBQPPL -Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMT TQVN tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm truyền thông;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

QUY ĐỊNH

Khung mức thù lao dịch thuật, phiên dịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND
ngày / /2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Quy định này quy định về khung mức thù lao dịch thuật từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc ngược lại đối với các loại văn bản, giấy tờ được Phòng Tư pháp cấp huyện chứng thực chữ ký của người dịch trong bản dịch của các loại văn bản, giấy tờ đó; quy định về khung mức thù lao phiên dịch khi thực hiện chứng thực trên địa bàn tỉnh.

b) Mức thù lao dịch thuật, phiên dịch ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a khoản này do các bên thỏa thuận hoặc được khuyến khích theo Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu dịch thuật, phiên dịch khi thực hiện chứng thực trên địa bàn tỉnh.

b) Cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp cấp huyện; người dịch yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch.

c) Các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật, phiên dịch.

d) Cơ quan quản lý cộng tác viên dịch thuật, phiên dịch.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Dịch thuật là công việc chuyển đổi từ tiếng nước ngoài trong các loại văn bản, giấy tờ sang tiếng Việt hoặc ngược lại.

2. Phiên dịch là việc nhắc lại lời nói hoặc mô tả lại hành vi, cử chỉ của một người nói bằng tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và ngược lại nhằm làm cho các bên hiểu để giải quyết một công việc cụ thể.

3. Người dịch (gồm người dịch thuật và người phiên dịch) là người thông thạo tiếng nước ngoài cần dịch và đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Điều 27 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch và khoản 1 Điều 16 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

Điều 3. Nguyên tắc tính thù lao dịch thuật, phiên dịch

1. Đơn vị thu thù lao dịch thuật, phiên dịch bao gồm: Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật và phiên dịch.

2. Đồng tiền thu: Việt Nam đồng (VNĐ).

3. Cơ sở tính mức thù lao:

a) Thù lao dịch thuật được tính trên cơ sở thứ tiếng cần dịch và tính chất ngữ nghĩa của nội dung giấy tờ, văn bản cần dịch. Thù lao dịch thuật bao gồm: tiền công dịch, tiền đánh máy, in ấn và photocopy (không bao gồm phí chứng thực chữ ký người dịch).

b) Đối với giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung các trang sau có tính chất, đặc điểm tương tự như trang trước (như: hộ khẩu, học bạ và các loại giấy tờ, văn bản khác có tính chất, đặc điểm này) thì từ trang thứ hai (02) trở đi sẽ tính bằng sáu mươi phần trăm (60%) mức thù lao theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

c) Đơn vị tính mức thù lao dịch thuật là trang (nội dung trang có thể bao gồm từ ngữ, hình ảnh, ký hiệu). Một trang văn bản cần dịch có số từ tối đa là 350 từ, đối với trang văn bản cần dịch là từ tiếng Việt thì số từ tối đa là 450 từ. Mức thu cụ thể do các bên thỏa thuận tùy theo số từ trong một trang, nhưng không được vượt quá mức thù lao quy định tại Điều 4 Quy định này.

4. Phân loại mức độ phức tạp của giấy tờ, văn bản:

a) Ít phức tạp (từ ngữ trong văn bản có tính thông dụng hàng ngày) như: Giấy tờ tùy thân, giấy tờ hộ tịch, bằng tốt nghiệp các loại, học bạ, bằng điểm kết quả học tập, sơ yếu lý lịch, chứng từ, hóa đơn, giấy khừ hồi xuất khẩu lao động, các loại báo cáo, giấy ủy quyền, di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư, giấy đăng ký kiểm định, giấy chứng nhận các loại, quyết định thành lập, quyết định chủ trương đầu tư, các loại giấy phép theo quy định pháp luật.

b) Phức tạp (từ ngữ trong văn bản có tính chuyên ngành, kỹ thuật) như: Hợp đồng kinh tế, dân sự, thương mại, bản án, biên bản hỏi cung, quyết định của tòa án, các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật, sở hữu trí tuệ, công nghiệp, xây dựng.

Điều 4. Khung mức thù lao dịch thuật

Stt	Mức thu (đồng/trang)		
	Tiếng nước ngoài	Ít phức tạp	Phức tạp
I	<i>Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt Nam</i>		
1	Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha.	150.000 đồng/trang	200.000 đồng/trang

2	Tiếng nước khác	200.000 đồng/trang	250.000 đồng/trang
II Dịch từ tiếng Việt Nam sang tiếng nước ngoài			
1	Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha.	170.000 đồng/trang	250.000 đồng/trang
2	Tiếng nước khác	250.000 đồng/trang	350.000 đồng/trang

Điều 5. Khung mức thù lao phiên dịch

1. Mức thù lao phiên dịch do các bên thỏa thuận nhưng không quá 150.000 đồng/giờ/người đối với thời gian làm việc từ 04 giờ trở lên.
2. Mức thù lao phiên dịch do các bên thỏa thuận nhưng không quá 250.000 đồng/giờ/người đối với thời gian làm việc dưới 04 giờ trở xuống.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ dịch thuật, phiên dịch

1. Thực hiện đúng quy định về khung mức thù lao dịch thuật, phiên dịch tại Quy định này.
2. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho người yêu cầu dịch thuật, phiên dịch trong trường hợp do lỗi của cá nhân hoặc người dịch làm việc tại tổ chức mình gây ra.
3. Người dịch chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về tính chính xác đối với kết quả dịch thuật, phiên dịch.
4. Chế độ thu, nộp, quản lý sử dụng thù lao dịch thuật, phiên dịch được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thực hiện Quy định này.
2. Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp triển khai thực hiện Quy định này.
3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có những vấn đề phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.